

QUY ĐỊNH

Về Chuẩn ngoại ngữ đối với sinh viên Viện Đào tạo Quốc tế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 77/QĐ-ĐHBK, ngày 6 tháng 10 năm 2011)

Chương 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy định này nhằm thống nhất các chuẩn (yêu cầu) ngoại ngữ đầu vào, đầu ra ở mỗi giai đoạn học tập đối với sinh viên Viện Đào tạo Quốc tế và được sử dụng như một điều kiện để xử lý kết quả học tập hàng năm.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

- Áp dụng cho các khóa sinh viên Viện Đào tạo Quốc tế - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội nhập học từ năm học 2011-2012.

Điều 3. Định nghĩa

- Chương trình TROY: Chương trình hợp tác giữa ĐHBK Hà Nội và ĐH Troy, Hoa Kỳ.

- Chương trình VUW: Chương trình hợp tác giữa ĐHBK Hà Nội và ĐH Victoria Wellington, Niu Di-lân.

- Chương trình LTU: Chương trình hợp tác giữa ĐHBK Hà Nội và Đại học La Trobe, Ôt-xtrây-li-a.

- Chương trình NUT: Chương trình hợp tác giữa ĐHBK Hà Nội và ĐH Công nghệ Nagaoka, Nhật Bản.

- Chương trình UPMF: Chương trình hợp tác giữa ĐHBK Hà Nội và Đại học Pierre Mendès France, CH Pháp.

- Chương trình LUH: Chương trình hợp tác giữa ĐHBK Hà Nội và Đại học Leibnitz Hannover, CHLB Đức.

- IELTS, TOEIC, TOEFL iBT, KET, PET: Tên các chứng chỉ tiếng Anh theo quy định chuẩn quốc tế.

- DELF, TCF: Tên các chứng chỉ tiếng Pháp theo quy định chuẩn quốc tế.

Chương 2 CHUẨN NGOẠI NGỮ

Ở mỗi giai đoạn học tập, sinh viên phải đạt một trình độ ngoại ngữ nhất định. Sau mỗi giai đoạn, Viện Đào tạo Quốc tế sẽ tổ chức kỳ thi cho tất cả sinh viên. Sau mỗi kỳ thi

sinh viên sẽ được cấp chứng nhận điểm (Test Score). Kết quả thi sẽ được bảo lưu 2 năm và được áp dụng vào việc xử lý kết quả học tập hàng năm.

Điều 4. Chuẩn tiếng Anh (áp dụng cho tất cả các chương trình)

Chương trình	Mức điểm						
	< 385 TOEIC /IELTS 3.5	385 TOEIC /IELTS 3.5	425 TOEIC /IELTS 4.0	500 TOEIC /IELTS 4.5	540 TOEIC /IELTS 5.0	IELTS 5.5	IELTS 6.0
UPMF, NUT, LUH	Ngoại ngữ 2	ĐK nhận ĐATN					
VUW, LTU	Học dự bị		ĐK đầu vào	ĐK lên năm thứ 2	ĐK lên năm thứ 3		ĐK chuyển tiếp
TROY	Học dự bị			ĐK đầu vào		ĐK lên HK4 và Tốt nghiệp	

- Sinh viên các chương trình TROY, VUW, LTU chưa đạt trình độ tiếng Anh đầu vào phải học dự bị.

- Sinh viên chương trình VUW muốn chuyển tiếp giai đoạn 2 sang VUW phải đạt tiếng Anh đầu vào tương đương 5.0 IELTS và thời điểm làm thủ tục chuyển tiếp là 6.0 IELTS.

Điều 5. Chuẩn tiếng Nhật (áp dụng cho chương trình NUT)

Thời gian	Trình độ
Hết năm 1	Cấp độ 4
Hết năm 2	Cấp độ 3
Điều kiện nhận Đồ án tốt nghiệp	Cấp độ 3

Hết giai đoạn 1, Viện Đào tạo Quốc tế cùng với ĐHCN Nagaoka xét và cho phép những sinh viên có đủ điều kiện tiếp tục học tiếng Nhật chuyên ngành.

Điều 6. Chuẩn tiếng Pháp (áp dụng cho chương trình UPMF)

Thời gian	DELF	TCF
Hết năm 1	A1 ⁺	200
Hết năm 2	A2	260
Hết năm 3	B1	400

Điều 7. Chuẩn tiếng Đức (áp dụng cho chương trình LUH)

Thời gian	Cấp độ
-----------	--------

Hết năm 1	Level 1
Hết năm 2	Level 2
Hết năm 3	Level 3

Chương 3
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾNG ANH CHO
CHƯƠNG TRÌNH LTU, VUW VÀ TROY

Khóa học	Thời lượng (tiết)	Điều kiện đầu vào	Điều kiện đầu ra	Lớp
A1	200	IELTS 1.0-2.0	IELTS 3.0 hoặc 50% bài thi KET	Dự bị (TROY, VUW & LTU)
A2	200	IELTS 2.5-3.5	IELTS 4.0 hoặc 70% của bài thi KET	Dự bị (TROY, VUW & LTU)
B1*	200	IELTS 4.0	IELTS 4.5 hoặc đạt bài thi PET	Dự bị (TROY)
B1	120	IELTS 4.0	IELTS 4.5 hoặc đạt bài thi PET	Chính khóa (VUW & LTU)
B2	120	IELTS 4.5	IELTS 5.0 hoặc tương đương	Chính khóa (VUW & LTU) Ngoài chính khóa (TROY)
C1	120	IELTS 5.0	IELTS 5.5 hoặc tương đương	Ngoài chính khóa (TROY, VUW & LTU)

Chương 4
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC HÌNH THỨC XỬ LÝ HỌC TẬP

Điều 8. Tiêu chuẩn đánh giá trình độ A1, A2

Chỉ số đánh giá	Thang chấm điểm	Số buổi nghỉ học/50 buổi học
Tham gia giờ giảng trên lớp (1)	10 điểm (=50% điểm điều kiện)	0-5 buổi: 9-10 điểm 6-10 buổi: 7-8 điểm 11-15 buổi: 5-6 điểm 16-20 buổi: 3-4 điểm 21-25 buổi: 1-2 điểm > 25 buổi: 0 điểm (Ghi chú: Mức điểm trên được đưa ra sau khi cân nhắc cả mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp)
Bài kiểm tra giữa khóa (Progress test) (2)	10 điểm (=50% điểm điều kiện)	
Điểm điều kiện (3)	[(1)+(2)] : 2 [trung bình cộng của (1) và (2)]	
Nếu (3) ≥ 5 điểm, sinh viên được dự thi cuối khóa. Nếu (3) < 5 điểm, sinh viên không được dự kỳ thi cuối khóa và để lên trình độ cao hơn; sinh viên khóa A1 sẽ phải thi và đạt IELTS 3.0 hoặc TOEIC 250 hoặc học lại trình độ A1; sinh viên		

A2 phải thi và đạt IELTS 4.0 hoặc TOEIC 425 hoặc học lại trình độ A2.	
Bài thi cuối khóa A1, A2 (KET) (4)	100
<p>≥ 70 điểm: Đạt trình độ A2, được lên khóa B1</p> <p>45-69 điểm: Đạt trình độ A1, được lên khóa A2</p> <p>0-44 điểm: Không đạt và học lại A1.</p>	

Điều 9. Tiêu chuẩn đánh giá trình độ B1

Chỉ số đánh giá	Thang chấm điểm	Số buổi nghỉ học/50 buổi học	Số buổi nghỉ học/30 buổi học
Tham gia giờ giảng trên lớp (1)	10 điểm (=50% điểm điều kiện)	0-5 buổi: 9-10 điểm 6-10 buổi: 7-8 điểm 11-15 buổi: 5-6 điểm 16-20 buổi: 3-4 điểm 21-25 buổi: 1-2 điểm > 25 buổi: 0 điểm (Ghi chú: Mức điểm trên được đưa ra sau khi cân nhắc cả mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp)	0-2 buổi: 9-10 điểm 3-4 buổi: 7-8 điểm 5-6 buổi: 5-6 điểm 7-8 buổi: 3-4 điểm 9-10 buổi: 1-2 điểm > 10 buổi: 0 điểm
Bài kiểm tra giữa khóa (Progress test) (2)	10 điểm (=50% điểm điều kiện)		
Điểm điều kiện (3)	[(1)+(2)] : 2 [trung bình cộng của (1) và (2)]		
<p>Nếu (3) ≥ 5 điểm, sinh viên được dự thi cuối khóa.</p> <p>Nếu (3) < 5 điểm, sinh viên sẽ không được dự kỳ thi cuối khóa và để lên trình độ cao hơn; sinh viên sẽ phải thi và đạt IELTS 4.5 hoặc TOEIC 500 hoặc học lại trình độ B1.</p>			
Bài thi cuối khóa B1 (PET) (4)	100		
<p>≥ 70 điểm: Đạt trình độ B1, được lên khóa B2</p> <p>45-69 điểm: Đạt trình độ A2, được lên khóa B1</p> <p>0-44 điểm: Không đạt và học lại A2.</p>			

Điều 10. Tiêu chuẩn đánh giá trình độ B2, C1

Chỉ số đánh giá	Thang chấm điểm	Số buổi nghỉ học/30 buổi học
Tham gia giờ giảng trên lớp (1)	10 điểm (=50% điểm điều kiện)	0-2 buổi: 9-10 điểm 3-4 buổi: 7-8 điểm 5-6 buổi: 5-6 điểm 7-8 buổi: 3-4 điểm 9-10 buổi: 1-2 điểm > 10 buổi: 0 điểm (Ghi chú: Mức điểm trên được đưa ra sau khi cân nhắc cả mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp)
Bài kiểm tra giữa khóa (Progress test) (2)	10 điểm (=50% điểm điều kiện)	
Điểm điều kiện (3)	[(1)+(2)] : 2 [trung bình cộng của (1) và (2)]	
<p>Nếu (3) ≥ 5 điểm, sinh viên được dự thi cuối khóa.</p> <p>Nếu (3) < 5 điểm, sinh viên không được dự kỳ thi cuối khóa để lên trình độ cao hơn; sinh</p>		

viên khóa B2 sẽ phải thi và đạt IELTS 5.0 hoặc TOEIC 540 hoặc học lại trình độ B1; sinh viên khóa C1 sẽ phải thi và đạt IELTS 5.5 hoặc TOEIC 600 hoặc học lại trình độ B2.	
Bài thi cuối khóa (IELTS) (4)	9.0
IELTS 5.5: Đạt C1; IELTS 5.0: Đạt B2; IELTS 4.5: Đạt B1 IELTS 4.0: Đạt A2; IELTS 3.0: Đạt A1 Sinh viên không đạt trình độ đầu ra sẽ phải thi và đạt điểm IELTS tương đương hoặc TOEIC tương đương do Viện Đào tạo Quốc tế hoặc các tổ chức được phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.	

Điều 11. Xử lý học tập đối với các trường hợp không đạt chuẩn ngoại ngữ

- Sinh viên Chương trình TROY nếu không đạt yêu cầu về ngoại ngữ sẽ phải tạm ngừng học tập.
- Sinh viên chương trình VUW, LTU trong quá trình học chính thức nếu không đạt chuẩn ngoại ngữ ở mỗi giai đoạn sẽ bị nâng một mức cảnh báo và không được nhận đồ án tốt nghiệp nếu chưa đạt chuẩn đầu ra.
- Sinh viên chương trình NUT và LUH không đạt chuẩn ngoại ngữ tiếng Nhật và tiếng Đức ở mỗi giai đoạn sẽ bị nâng một mức cảnh báo và không được nhận đồ án tốt nghiệp nếu chưa đạt chuẩn đầu ra.
- Sinh viên chương trình UPMF hết năm thứ nhất không đạt chuẩn tiếng Pháp sẽ bị nâng một mức cảnh báo học tập; hết năm thứ hai hoặc năm thứ ba không đạt chuẩn tiếng Pháp sẽ phải tạm ngừng học tập.
- Sinh viên học tiếng Anh là ngoại ngữ 2 nếu không đạt chuẩn ngoại ngữ sẽ bị nâng một mức cảnh báo học tập.

Nơi nhận:

- Sinh viên các lớp Khóa 10;
- Lưu: Viện ĐTQT.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Hà Duyên Tư

(đã ký)